



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2- CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).24. 3765 3338. Fax: (+84).24.3 765 3336.

Mã số thuế: 0102314051

Email: info@sabecohanoi.com.vn.

Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Số: 74 /BSGHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC/ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI**
 - Mã chứng khoán: BSH
 - Địa chỉ trụ sở chính: A2- CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: 024.37653338 Fax: 024.37653336
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vương Thừa Đại
 - Chức vụ: Thư ký Công ty.
 - Loại thông tin công bố: ☐ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin:** Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội công bố thông tin Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2022.

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Vương Thừa Đại



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0102314051
0102314051

ngày 6 tháng 7 năm 2007
ngày 29 tháng 4 năm 2022

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 29 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Lê Xuân Sơn

Ông Trương Hùng Dũng

Ông Đinh Văn Thuận
Ông Văn Thảo Nguyên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà

Chủ tịch
Thành viên
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Thành viên
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Hiền
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp
Bà Nguyễn Thị Nga

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Viết Quý
Ông Nguyễn Văn Biên
Ông Lê Thanh Tùng

Bà Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
(đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm
Phường Phương Canh
Quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Việt Quý
Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-01-00375-22-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		356.171.546.184	281.136.926.576
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	7.478.749.076	194.117.641.058
Tiền	111		2.478.749.076	6.617.641.058
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	187.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		214.600.000.000	24.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	214.600.000.000	24.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.993.660.378	15.862.227.714
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	67.580.181.591	14.294.197.613
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		742.586.185	965.226.046
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.670.892.602	602.804.055
Hàng tồn kho	140	9	63.335.209.631	46.373.722.274
Hàng tồn kho	141		73.765.117.064	57.079.879.755
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.429.907.433)	(10.706.157.481)
Tài sản ngắn hạn khác	150		763.927.099	283.335.530
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		763.927.099	283.335.530
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		95.674.810.508	113.479.965.493
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		91.761.775.715	99.168.289.170
Tài sản cố định hữu hình	221	10	91.450.615.424	98.680.138.611
Nguyên giá	222		704.817.646.793	704.592.646.793
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(613.367.031.369)	(605.912.508.182)
Tài sản cố định vô hình	227	11	311.160.291	488.150.559
Nguyên giá	228		1.411.941.589	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.100.781.298)	(923.791.030)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	7.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	7.300.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.903.034.793	7.001.676.323
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.773.200.106	4.816.591.626
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.129.834.687	2.185.084.697
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		451.846.356.692	394.616.892.069

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		158.102.483.847	98.892.154.120
Nợ ngắn hạn	310		157.883.217.850	98.672.888.123
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	20.298.852.662	9.843.802.805
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		511.681.393	2.108.744.653
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	91.067.950.982	68.838.215.439
Phải trả người lao động	314		3.102.278.267	6.555.378.025
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.752.067.251	2.058.502.830
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	9.995.620.485	5.416.428.430
Vay ngắn hạn	320	16	28.000.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	2.154.766.810	3.851.815.941
Nợ dài hạn	330		219.265.997	219.265.997
Dự phòng phải trả dài hạn	342		219.265.997	219.265.997
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		293.743.872.845	295.724.737.949
Vốn chủ sở hữu	410	18	293.743.872.845	295.724.737.949
Vốn cổ phần	411	19	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.617.615.735	75.598.480.839
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		39.680.066.818	25.055.934.950
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		33.937.548.917	50.542.545.889
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		451.846.356.692	394.616.892.069

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng



Lê Viết Quý
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

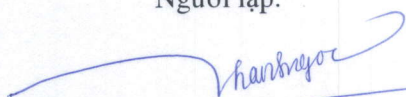
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	298.090.024.223	273.005.791.109
Giá vốn hàng bán	11	24	248.368.915.164	242.049.023.497
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		49.721.109.059	30.956.767.612
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.834.645.152	2.340.067.761
Chi phí tài chính	22		122.650.195	680.704.671
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		115.293.550	679.314.815
Chi phí bán hàng	25	26	1.860.707.262	1.739.658.588
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	7.374.212.185	8.534.936.794
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		44.198.184.569	22.341.535.320
Thu nhập khác	31		493.035.175	2.392.348.213
Chi phí khác	32		-	1.593.451.474
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		493.035.175	798.896.739
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		44.691.219.744	23.140.432.059
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	8.496.256.605	4.682.224.950
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	55.250.010	138.791.851
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		36.139.713.129	18.319.415.258
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.888	911

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Viết Quý
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	44.691.219.744	23.140.432.059
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	7.631.513.455	16.584.090.060
Các khoản dự phòng	03	(276.250.048)	(693.959.257)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(3.775.562.617)	(2.332.204.115)
Chi phí lãi vay	06	115.293.550	679.314.815
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	48.386.214.084	37.377.673.562
Biến động các khoản phải thu	09	(53.104.948.829)	11.873.114.924
Biến động hàng tồn kho	10	(16.685.237.309)	12.808.609.173
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	28.668.004.970	4.275.663.052
Biến động chi phí trả trước	12	2.562.799.951	2.453.586.792
		9.826.832.867	68.788.647.503
Tiền lãi vay đã trả	14	(115.293.550)	(709.128.451)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.305.096.060)	(99.582.879)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.769.414.021)	(4.325.520.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.637.029.236	63.654.415.479
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(225.000.000)	(2.373.254.254)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(223.800.000.000)	(50.700.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	26	41.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.749.078.782	2.522.106.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(180.275.921.218)	(50.551.147.402)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

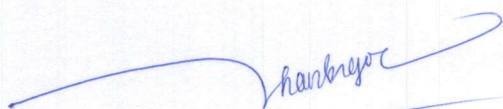
Mã Thuyết số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	115.351.706.299	307.601.463.915
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(87.351.706.299)	(313.211.431.585)
Tiền chi trả cổ tức	36	(36.000.000.000)	(27.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.000.000.000)	(32.609.967.670)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(186.638.891.982)	(19.506.699.593)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	194.117.641.058	216.909.989.474
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	7.478.749.076	197.403.289.881

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Viết Quý
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 374/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là BSH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia rượu, nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 155 nhân viên (1/1/2022: 163 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	31.734.496	143.724.651
Tiền gửi ngân hàng	2.447.014.580	6.473.916.407
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	187.500.000.000
	7.478.749.076	194.117.641.058

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,3% đến 3,6% một năm (1/1/2022: từ 3,2% đến 3,5% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,9% đến 5,2% một năm (1/1/2022: từ 3,9% đến 5,2% một năm).

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	67.435.668.850	13.738.467.546
Các khách hàng khác	144.512.741	555.730.067
	<hr/> 67.580.181.591	<hr/> 14.294.197.613

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	67.435.668.850	13.738.467.546
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	365.913.240
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	556.426.376	-
Nguyên vật liệu	37.526.173.667	-	19.182.132.972	-
Công cụ và dụng cụ	16.536.814.085	(10.429.907.433)	15.321.124.837	(10.706.157.481)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.908.044.114	-	15.294.498.153	-
Thành phẩm	3.787.656.102	-	6.719.268.321	-
Hàng hóa	6.429.096	-	6.429.096	-
	73.765.117.064	(10.429.907.433)	57.079.879.755	(10.706.157.481)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	10.706.157.481	11.602.684.144
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(276.250.048)	(693.959.257)
Số dư cuối kỳ	10.429.907.433	10.908.724.887

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

D. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	58.127.038.224	633.098.369.475	7.907.289.410	5.459.949.684	704.592.646.793
Tăng trong kỳ	-	225.000.000	-	-	225.000.000
Số dư cuối kỳ	58.127.038.224	633.323.369.475	7.907.289.410	5.459.949.684	704.817.646.793
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	27.742.911.925	568.197.585.321	6.021.493.915	3.950.517.021	605.912.508.182
Khấu hao trong kỳ	1.269.523.950	5.499.427.507	233.652.912	451.918.818	7.454.523.187
Số dư cuối kỳ	29.012.435.875	573.697.012.828	6.255.146.827	4.402.435.839	613.367.031.369
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	30.384.126.299	64.900.784.154	1.885.795.495	1.509.432.663	98.680.138.611
Số dư cuối kỳ	29.114.602.349	59.626.356.647	1.652.142.583	1.057.513.845	91.450.615.424

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 530.369 triệu VND (1/1/2022: 530.315 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	923.791.030
Khấu hao trong kỳ	176.990.268
Số dư cuối kỳ	1.100.781.298
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	488.150.559
Số dư cuối kỳ	311.160.291

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 350 triệu VND (1/1/2022: 350 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.222.175.000	1.594.416.626	4.816.591.626
Tăng trong kỳ	-	14.784.000	14.784.000
Phân bổ trong kỳ	(2.125.200.000)	(932.975.520)	(3.058.175.520)
Số dư cuối kỳ	1.096.975.000	676.225.106	1.773.200.106

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.929.263.712	1.546.159.544
Công ty Cổ phần Hanacans	4.223.492.051	-
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	2.991.624.000	1.922.892.000
Các nhà cung cấp khác	5.154.472.899	6.374.751.261
	20.298.852.662	9.843.802.805

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.929.263.712	1.546.159.544
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	33.480.000	62.403.000
Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	105.770.044

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	58.578.901.743	297.789.819.904	(287.595.786.671)	-	68.772.934.976
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.705.096.060	8.496.256.605	(4.305.096.060)	-	6.896.256.605
Thuế giá trị gia tăng	7.404.935.474	58.588.715.443	(28.722.232.744)	(21.893.908.809)	15.377.509.364
Thuế thu nhập cá nhân	149.282.162	876.636.472	(1.004.668.597)	-	21.250.037
Thuế nhập khẩu	-	39.995.790	(39.995.790)	-	-
	68.838.215.439	365.791.424.214	(321.667.779.862)	(21.893.908.809)	91.067.950.982

5. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	9.102.800.000	5.055.100.000
Phải trả ngắn hạn khác	892.820.485	361.328.430
	9.995.620.485	5.416.428.430

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Vay ngắn hạn**

	Biến động trong kỳ			30/6/2022
	1/1/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	115.351.706.299	(87.351.706.299)	28.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình (i)	VND	3,6%	28.000.000.000	-

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và không có đảm bảo.

Công ty có hợp đồng vay với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội với hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND. Khoản vay này không có bảo đảm, chịu lãi suất thả nổi của ngân hàng tại ngày giải ngân và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Khoản vay này không có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	3.851.815.941	5.201.215.941
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 18)	2.153.950.869	1.925.500.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	(81.585.979)	(874.879.306)
Sử dụng trong kỳ	(3.769.414.021)	(4.325.520.694)
Số dư cuối kỳ	2.154.766.810	1.926.315.941

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	51.181.055.644	271.307.312.754
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	18.319.415.258	18.319.415.258
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(1.925.500.000)	(1.925.500.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	874.879.306	874.879.306
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2021	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	41.449.850.208	261.576.107.318
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	36.074.130.631	36.074.130.631
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.925.500.000)	(1.925.500.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	75.598.480.839	295.724.737.949
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	36.139.713.129	36.139.713.129
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(2.153.950.869)	(2.153.950.869)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	81.585.979	81.585.979
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(48.213.343)	(48.213.343)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	73.617.615.735	293.743.872.845

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 22 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 36.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: Đại hội đồng cổ đông quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 27.000 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020).

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	4.024.621.964	4.015.125.780
Từ hai đến năm năm	16.098.487.856	16.060.503.120
Sau năm năm	119.061.733.102	120.788.367.215
	<hr/>	<hr/>
	139.184.842.922	140.863.996.115

(b) Ngoại tệ

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	103	2.394.818	130.915	2.978.267.053
EUR	102	2.745.448	105	2.818.949
		<hr/>		<hr/>
		5.140.266		2.981.086.002

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa kết hợp đồng	3.491.000.000	661.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	296.225.513.818	271.171.538.844
Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt	593.785.810.306	549.785.691.647
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(297.560.296.488)	(278.614.152.803)
▪ Doanh thu khác	1.864.510.405	1.834.252.265
	298.090.024.223	273.005.791.109

24. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	248.192.602.394	240.760.781.250
▪ Giá vốn khác	452.562.818	1.982.201.504
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(276.250.048)	(693.959.257)
	248.368.915.164	242.049.023.497

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.775.562.617	2.332.204.115
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.082.535	7.863.646
	3.834.645.152	2.340.067.761

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	243.846.507	536.462.112
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	309.081.148	91.508.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.120.422.508	1.012.832.636
Chi phí bán hàng khác	187.357.099	98.855.634
	1.860.707.262	1.739.658.588

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.334.253.112	4.936.179.687
Chi phí khấu hao và phân bổ	157.872.312	181.832.502
Chi phí dụng cụ quản lý	289.801.550	516.416.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.909.931.875	1.865.031.695
Chi phí quản lý khác	682.353.336	1.035.476.083
	7.374.212.185	8.534.936.794

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	222.882.870.950	207.250.977.389
Chi phí nhân công và nhân viên	17.316.904.047	17.784.472.337
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.631.513.455	16.584.090.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.813.213.453	7.320.691.961
Chi phí khác	1.959.332.706	3.383.387.132

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Kỳ hiện hành	8.982.357.473	4.551.657.581
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	(486.100.868)	130.567.369
	8.496.256.605	4.682.224.950
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	55.250.010	138.791.851
	8.551.506.615	4.821.016.801

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	44.691.219.744	23.140.432.059
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.938.243.949	4.628.086.412
Chi phí không được khấu trừ thuế	99.363.534	62.363.020
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	(486.100.868)	130.567.369
	8.551.506.615	4.821.016.801

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	36.139.713.129	18.319.415.258
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.153.950.869)	(1.925.500.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	33.985.762.260	16.393.915.258

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 18.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	557.464.919.900	524.752.575.840
Mua nguyên vật liệu	195.183.418.911	153.053.246.430
Cổ tức đã trả	18.760.000.000	14.070.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	98.639.674	850.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Mua hàng hóa	587.740.300	609.504.180
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	248.000.000	217.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	56.724.000	-
Công ty TNHH Cơ Khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	-	97.480.000
Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2022)	21.000.000	-
Ông Trương Hùng Dũng – Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2022)	21.000.000	42.000.000
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hà – Thành viên (từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)	42.000.000	21.000.000
Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thành viên (đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)	-	21.000.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.505.242.321	2.499.947.685

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2022 30/6/2021
VND VND

Ban Kiểm soát

Thủ lao

Bà Lê Thị Hiền – Trưởng Ban Kiểm soát
 (từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)

245.708.034 143.997.884

Ông Đặng Thái Bình – Trưởng Ban Kiểm soát
 (đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)

- 54.384.615

Ông Nguyễn Hoàng Hiệp – Thành viên
 (từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)

24.000.000 12.000.000

Bà Nguyễn Thị Nga – Thành viên

24.000.000 24.000.000

Bà Nguyễn Thị Bích Hà – Thành viên
 (đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)

- 12.000.000

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2022 30/6/2021
VND VND

Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán

- 365.559.473

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Viết Quý
 Giám đốc

